

Số: 1392/QĐ-UBND

Vinh Phúc, ngày 09 tháng 5 năm 2017

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Chương trình nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ "Xây dựng mô hình thí điểm liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị ứng dụng công nghệ cao đối với sản phẩm rau quả trên địa bàn tỉnh Vinh Phúc", giai đoạn 2017-2020**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước; Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013; Luật Chuyển giao công nghệ năm 2006; Luật Công nghệ cao năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ về công tác khuyến nông; Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 04/6/2010 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng chính phủ số 2457/QĐ-TTg ngày 31/12/2010 về việc phê duyệt Chương trình Quốc gia ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020; số 1895/QĐ-TTg ngày 17/12/2012 về việc phê duyệt Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc Chương trình Quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020; số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15/11/2010 về việc ban hành quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại Quốc gia; số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; số 113/QĐ-TTg ngày 20/01/2012 phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Vinh Phúc đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; số 124/QĐ-TTg ngày 02/02/2012 phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2015 về phê duyệt chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015-2020; số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 về phê duyệt đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 về chính sách khuyến khích sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn;

Căn cứ Thông tư 183/2010/TTLT-BTC-BNN&PTNT ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông; Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Thông tư liên tịch số 219/2012/TTLT-BTC-BKHCHN ngày 20/12/2012 của Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý tài chính thực hiện chương trình Quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020; Thông tư số 161/2012/TT-BTC và Thông tư

số 39/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02/10/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách qua Kho bạc Nhà nước; Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị quyết 25/2016/NQ-HĐND ngày 21/7/2016 của HĐND tỉnh về việc hỗ trợ phát triển đường giao thông nội đồng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2017-2020; Nghị quyết số 202/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của HĐND tỉnh về ban hành chính sách hỗ trợ đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 12/12/2016 của HĐND tỉnh về phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2017;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Vĩnh Phúc số 1769/QĐ-CT ngày 30/06/2014 về việc phê duyệt đề cương Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với chuyển đổi lao động nông thôn tỉnh Vĩnh Phúc đến 2020 và tầm nhìn đến 2030; số 07/2016/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 về việc ban hành Quy định thực hiện một số cơ chế, chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành Nông nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016-2020 theo Nghị quyết số 201/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của HĐND tỉnh; số 30/2016/QĐ-UBND ngày 25/5/2016 ban hành Quy định về quản lý và thực hiện các nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc và các quy định về quản lý đầu tư, xây dựng theo quy định hiện hành của nhà nước; số 4125/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2017- tỉnh Vĩnh Phúc;

Căn cứ Thông báo kết luận của Đồng chí Bí thư Tỉnh ủy tại buổi làm việc với Sở Khoa học và Công nghệ Vĩnh Phúc tại Văn bản số 18-TB/VPTU ngày 15/12/2016; Thông báo ý kiến kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại Văn bản số 736-TB/TU ngày 24/3/2017; Văn bản số 76/HĐND-KTNS ngày 03/5/2017 của Thường trực HĐND tỉnh về chủ trương và kinh phí thực hiện 02 Chương trình nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

Xét đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 43/TTr-SKHCN ngày 04/5/2017,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Chương trình nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ "Xây dựng mô hình thí điểm liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao đối với sản phẩm rau quả trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc", giai đoạn 2017-2020, với các nội dung chủ yếu sau đây:

**1. Tên Chương trình:** Chương trình nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ "Xây dựng mô hình thí điểm liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao đối với sản phẩm rau quả trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc", giai đoạn 2017-2020.

**2. Cấp Chương trình:** Chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ (KH&CN) cấp tỉnh.

**3. Cơ quan chủ quản:** UBND tỉnh Vĩnh Phúc.

**4. Cơ quan thực hiện (chủ trì):** Sở Khoa học và Công nghệ Vĩnh Phúc.

**5. Cơ quan phối hợp thực hiện:** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các ngành liên quan của tỉnh; các cơ quan nghiên cứu, chuyển giao KH&CN; UBND cấp huyện, cấp xã; Doanh nghiệp, hợp tác xã (HTX) và người dân tham gia trong phạm vi các vùng triển khai mô hình thí điểm liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm rau quả.

**6. Địa điểm:** Trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, mô hình thí điểm tập trung vào các huyện: Yên Lạc, Vĩnh Tường, Tam Dương, Tam Đảo, Bình Xuyên và thị xã Phúc Yên.

**7. Mục tiêu, quy mô của Chương trình:**

- Xây dựng được 01 mô hình (20 ha trong vùng quy hoạch) thí điểm liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị đối với sản phẩm rau quả; 80 ha mở rộng liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị theo mô hình thí điểm đối với mỗi loại rau quả (ớt - ngô ngọt - bí đỏ) trên địa bàn tỉnh, đảm bảo năng suất, chất lượng, hiệu quả, nâng cao giá trị gia tăng trong toàn chuỗi; sản phẩm từ các mô hình đảm bảo an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP, tiêu thụ nội địa và xuất khẩu. Các sản phẩm rau quả trong chuỗi là sản phẩm chủ lực theo Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh, ưu tiên các sản phẩm rau quả cao cấp, có giá trị kinh tế cao, có thị trường tiêu thụ liên tỉnh và xuất khẩu; sản phẩm đang có nguy cơ cao, nhiều bức xúc trong dư luận xã hội về an toàn thực phẩm (rau ăn lá, cà chua,...).

- Nghiên cứu, đề xuất việc cụ thể hóa các cơ chế, chính sách, quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật do Trung ương ban hành hoặc xây dựng, đề xuất trình các cơ quan có thẩm quyền của tỉnh ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách (bao gồm cả các cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh), quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phù hợp với điều kiện thực tế của từng vùng, từng loại hình áp dụng trên địa bàn tỉnh,... nhằm thúc đẩy quá trình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị đối với sản phẩm rau quả trên địa bàn tỉnh.

- Theo dõi, nghiên cứu, đề xuất mô hình phù hợp với điều kiện thực tế: sơ đồ hóa (mang tính hệ thống) các tác nhân tham gia sản xuất, phân phối, tiếp thị, và bán sản phẩm; đặc điểm của các tác nhân tham gia, cơ cấu lợi nhuận và chi phí, dòng hàng hóa trong suốt chuỗi, các đặc điểm của việc làm, địa chỉ tiêu thụ và khối lượng bán hàng trong và ngoài nước (trên cơ sở kết quả nghiên cứu, khảo sát); xác định sự phân phối lợi ích giữa những tác nhân tham gia trong chuỗi (phân tích chênh lệch giá, lợi nhuận,...); xác định hạt nhân trong các tác nhân tham gia liên kết trong chuỗi (doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác, người lao động,...); giải pháp cải tiến, nâng cấp chuỗi giá trị đảm bảo tăng giá trị gia tăng và phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh,...

- Theo dõi, phân tích, đánh giá, làm cơ sở cho việc nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách (cơ chế, chính sách đặc thù) hỗ trợ, khuyến khích của tỉnh đối với doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác, người lao động,... trong việc triển khai ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, CNTT, cơ giới hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn (hỗ trợ xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị,...) phục vụ tái cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu ngành nông nghiệp, xây dựng NTM; đổi mới hình thức sản xuất, từng bước xây dựng mô hình nông nghiệp thông minh,... hướng tới thành phố thông minh; Đẩy mạnh hợp tác giữa KH&CN với sản xuất, kinh doanh, đặc biệt là vơ tạo các doanh nghiệp ứng dụng các giải

pháp KH&CN mới. Ươm tạo, hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp về quy trình công nghệ sản xuất; vốn, máy móc thiết bị, đào tạo cho cán bộ, nông dân (công nhân nông nghiệp) kiến thức quản lý và kỹ năng sản xuất. Nhằm phát triển và hoàn thiện các ý tưởng KH&CN vào thực tiễn sản xuất. Thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, khuyến khích đổi mới công nghệ để doanh nghiệp sản xuất tăng năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa, nâng cao năng lực cạnh tranh, hội nhập quốc tế.

- Theo dõi, nghiên cứu, tổng kết đánh giá, hoàn thiện mô hình, làm hình mẫu để tổ chức tham quan học tập, các lớp tập huấn, hội nghị đầu bờ,... phổ biến các hình thức tổ chức, quản lý sản xuất, kinh doanh ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp, chuyên gia kết quả nghiên cứu KH&CN, nâng cao năng suất, chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, giảm giá thành, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm; giúp các chủ trang trại, doanh nghiệp vừa và nhỏ về lập dự án đầu tư, tìm kiếm mặt bằng sản xuất, huy động vốn, tuyển dụng và đào tạo lao động, lựa chọn công nghệ, tìm kiếm thị trường, hợp đồng tiêu thụ sản phẩm, hợp đồng bảo hiểm sản xuất, kinh doanh,...

Từ đó, nhân ra diện rộng, phấn đấu đến năm 2020 đạt 300-400 ha, năm 2025 mở rộng từ 1.000-1.500 ha gieo trồng tại các vùng trồng trọt hàng hóa tập trung có liên kết theo chuỗi giá trị đối với các loại rau quả chủ lực theo Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh, hiện thực hóa các quy hoạch chung, quy hoạch ngành và quy hoạch xây dựng NTM, tạo ra các sản phẩm rau quả cao cấp, có giá trị kinh tế cao, có thị trường tiêu thụ liên tỉnh và xuất khẩu.

## **8. Nhiệm vụ cụ thể của Chương trình:**

### **8.1. Về nghiên cứu khoa học và công nghệ:**

- Nghiên cứu, đánh giá, hoàn thiện các quy trình công nghệ và sản xuất luân canh 03 sản phẩm rau quả (ớt, bí đỏ, ngô ngọt) trong liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị và yêu cầu đảm bảo tiêu chuẩn VietGAP; đề xuất giải pháp ứng dụng các tiến bộ KH&CN trong sản xuất, thu hoạch, sau thu hoạch đối với 03 sản phẩm rau quả (ớt, bí đỏ, ngô ngọt) liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị và đảm bảo tiêu chuẩn VietGAP trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc (thời gian từ 2017-2019).

- Nghiên cứu, xây dựng quy trình đăng ký, vận hành, kiểm soát chất lượng, phát triển thương hiệu sản phẩm kết hợp với ứng dụng CNTT phục vụ quản lý, điều hành và truy xuất nguồn gốc đối với 03 sản phẩm rau quả (ớt, bí đỏ, ngô ngọt) liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị ứng dụng công nghệ cao và yêu cầu đảm bảo tiêu chuẩn VietGAP sản phẩm chủ yếu cho xuất khẩu (thời gian từ 2017-2019).

- Nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách (đặc thù) và hệ thống các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với sản phẩm rau quả (ớt, bí đỏ, ngô ngọt) trong mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị ứng dụng công nghệ cao và yêu cầu đảm bảo tiêu chuẩn VietGAP trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc (thời gian từ 2017-2020).

- Nghiên cứu, đề xuất các hình thức hợp tác, liên kết và các mô hình quản lý/giám sát, đảm bảo hài hòa lợi ích của các chủ thể tham gia mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao đối với sản phẩm rau quả (ớt, bí đỏ, ngô ngọt) và yêu cầu đảm bảo tiêu chuẩn VietGAP trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc (thời gian từ 2017-2020).



## **8.2. Về đầu tư và hỗ trợ:**

- *Hỗ trợ tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn, tổ chức sản xuất:* Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở sản xuất di chuyển vào vùng quy hoạch để phát triển lâu dài, bền vững; tạo thuận lợi cho các hộ sản xuất có nguyện vọng, tự nguyện liên kết, dồn điền đổi thửa,... Tổ chức các hội nghị, hội thảo, các bài viết chuyên đề trên các phương tiện thông tin đại chúng để nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, người nông dân và doanh nghiệp tham gia liên kết; tăng cường công tác khuyến nông và đào tạo về kỹ năng, kỹ thuật sản xuất đồng thời với các kỹ năng quảng bá, phối hợp tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm,... Tuyên truyền về chủ trương chính sách của Nhà nước, định hướng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung; Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn nghiệp vụ, hướng dẫn kỹ thuật, kỹ năng, tổ chức vận hành,... cho cán bộ lãnh đạo, quản lý, kỹ thuật; Hỗ trợ về đào tạo, tập huấn, kiện toàn toàn tổ chức bộ máy cho các hiệp hội/hội sản xuất ngành hàng,...

- *Đầu tư và hỗ trợ sản xuất:* Hỗ trợ sản xuất, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và thiết bị phục vụ xây dựng mô hình thí điểm liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị và các hỗ trợ khác theo cơ chế, chính sách hiện hành; hỗ trợ đầu tư hệ thống điện, xây dựng hệ thống giao thông phục vụ triển khai mô hình và đường kết nối với trục chính; hệ thống tưới ứng dụng công nghệ cao, công nghệ thu hoạch, công nghệ sau thu hoạch. Hỗ trợ các đoàn đi khảo sát, tham quan mô hình; học tập về kỹ thuật, quy trình sản xuất, các thiết bị, công nghệ và chuyển giao, sử dụng thiết bị công nghệ trong và ngoài nước. Hỗ trợ hoạt động hội nghị, hội thảo, ghi nhớ, cam kết; mời tư vấn, giám sát, hướng dẫn, tập huấn các quy trình công nghệ,...

- *Hỗ trợ nâng cao năng lực QLNN, phát huy vai trò của MTTQ, các đoàn thể CT-XH và các hiệp hội, tổ chức ngành nghề:* Hỗ trợ đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, nhân lực, trang thiết bị làm việc, thiết bị kiểm định, kiểm tra nhanh tại hiện trường, thiết bị phòng thí nghiệm, kiểm nghiệm. Nâng cao năng lực và phát huy vai trò của MTTQ các cấp, Liên minh các HTX tỉnh, các đoàn thể CT-XH, các tổ chức xã hội nghề nghiệp,... để tham gia vào việc vận động các hội viên tích cực tham gia mô hình, đồng thời tuân thủ quy định, giám sát cộng đồng về liên kết sản xuất, VSATTP,...

- *Hỗ trợ xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm:* Hỗ trợ các đoàn đi khảo sát, đánh giá, nắm bắt tình hình và xác định thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước cho sản phẩm từ mô hình thí điểm liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị. Hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu chứng nhận và đăng ký bảo hộ; ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ quản lý, điều hành,... truy xuất nguồn gốc sản phẩm; Tham gia các hội chợ, hội nghị quảng bá, giới thiệu sản phẩm trong nước và thị trường nhập khẩu. Tham gia sàn giao dịch điện tử mua bán sản phẩm, giới thiệu mạng lưới đặt hàng giao dịch mua bán; địa chỉ bán sản phẩm để người tiêu dùng dễ tiếp cận, lựa chọn; xây dựng Website giới thiệu sản phẩm,...

## **8.3. Một số nhiệm vụ cụ thể:**

- *Xác định sản phẩm chính trong chuỗi:* theo công thức luân canh: ớt - ngô ngọt - bí đỏ phục vụ xuất khẩu và tiêu thụ nội địa.

- *Quy mô, hình thức triển khai:* Quy mô diện tích đất sản xuất nông nghiệp doanh nghiệp chủ động trực tiếp tổ chức liên kết sản xuất khép kín theo chuỗi (chủ

yếu doanh nghiệp thuê lại đất hoặc nhận chuyển QSD đất nông nghiệp của nông dân hoặc thuê đất quỹ 2 ở khu vực có điều kiện, còn quỹ đất), trả tiền sử dụng đất hàng năm, sử dụng lao động tại chỗ: 20 ha; 80 ha mở rộng liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị theo mô hình thí điểm đối với mỗi loại rau quả. Diện tích đất xây dựng nhà điều hành, xưởng sơ chế, bảo quản, chế biến (doanh nghiệp xin giao đất, thuê đất theo quy định hiện hành của nhà nước): 01 ha. Quy mô diện tích đất sản xuất nông nghiệp doanh nghiệp liên kết với người dân: 80 ha doanh nghiệp liên kết, ký kết hợp đồng trực tiếp với nông dân hoặc HTX, tổ hợp tác.

- *Một số nội dung hỗ trợ chính:*

+ Đối với diện tích đất sản xuất nông nghiệp doanh nghiệp chủ động trực tiếp tổ chức sản xuất khép kín theo chuỗi (20 ha) và diện tích đất xây dựng nhà điều hành, xưởng sơ chế, bảo quản, chế biến, kho bãi,... (khoảng 10.000 m<sup>2</sup>); Nhà nước (tỉnh) hỗ trợ công tác BT GPMB theo quy định; cơ giới hóa (máy làm đất, chăm sóc, thu hoạch); hệ thống tưới tiết kiệm điều chỉnh tự động công nghệ Israel (bao gồm cả tạo nguồn nước giếng khoan, hệ thống xử lý nước, bể chứa); hỗ trợ huyện (xã) xây dựng đường kết nối khu sản xuất với đường trục chính, giao thông nội đồng; dây chuyền, thiết bị sơ chế và đóng gói, bóc tách hạt ngô, ớt; hệ thống bảo quản; hệ thống thu gom, xử lý rác thải; giống (kể cả giống nhập nội và quy trình kỹ thuật, giám sát theo VietGAP và yêu cầu của nước nhập khẩu), vật tư nông nghiệp (20 ha/loại cây, tương đương 60 ha diện tích gieo trồng 3 loại cây: ớt, ngô ngọt, bí; định mức theo quy trình và chính sách hỗ trợ hiện hành của nhà nước)...

+ Đối với diện tích đất sản xuất nông nghiệp doanh nghiệp liên kết với người dân, ký kết hợp đồng trực tiếp với nông dân hoặc HTX, tổ hợp tác, hướng dẫn quy trình kỹ thuật, giám sát quá trình sản xuất theo VietGAP, thu mua lại sản phẩm thô để sơ chế (chế biến), bảo quản, tiêu thụ sản phẩm: Nhà nước (tỉnh) hỗ trợ trực tiếp cho nông dân: cơ giới hóa (máy làm đất, chăm sóc, thu hoạch theo mức quy định); hỗ trợ huyện (xã) để hoàn thiện hệ thống tưới đang có, hệ thống thu gom, xử lý rác thải; giống và vật tư nông nghiệp (cho diện tích gieo trồng 3 loại cây: ớt, ngô ngọt, bí liên kết giữa doanh nghiệp và người dân (HTX, Tổ Hợp tác); định mức theo quy trình và chính sách hỗ trợ hiện hành của nhà nước)...

## **9. Thời gian, tiến độ thực hiện:**

**9.1. Năm 2017:** Xây dựng chương trình theo quy định hiện hành của Nhà nước; Làm việc, thống nhất với các tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia mô hình (có văn bản thỏa thuận, cam kết); triển khai các thủ tục BT GPMB, thuê đất sản xuất và đất xây dựng nhà xưởng, kho bãi (làm việc với cơ sở, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có liên quan); Thiết kế chi tiết mô hình sản xuất, ký kết hợp đồng liên kết sản xuất (20 ha chuỗi khép kín và 80 ha liên kết),... do doanh nghiệp chủ động thực hiện; Trồng ớt (20 ha khép kín và 80 ha liên kết), chuyển giao công nghệ trồng trọt theo quy trình VietGAP (đối với ớt), chế biến, bảo quản (kể cả thuê chuyên gia); thực hiện các nội dung hỗ trợ sản xuất theo cơ chế, chính sách; Mua máy móc cơ giới hóa (doanh nghiệp thực hiện, Nhà nước hỗ trợ theo cơ chế, chính sách hiện hành); xây dựng nhà xưởng, kho bãi, hệ thống thu gom chất thải (doanh nghiệp thực hiện); Lập dự án và thực hiện dự án: Đầu tư mua sắm thiết bị, chuyển giao công nghệ sơ chế, chế biến, bảo quản (1 dự án đối với sản phẩm ớt); hệ thống điện (1 dự án); lập dự án Đầu tư trang thiết bị, ứng dụng CNTT vào sản xuất và hệ

thống giám sát, truy xuất nguồn gốc; HTQLCL ISO (1 dự án). Lập và trình phê duyệt các dự án nêu trên xong trước 30/10/2017 (riêng dự án Đầu tư trang thiết bị, ứng dụng CNTT vào sản xuất và hệ thống giám sát, truy xuất nguồn gốc; HTQLCL ISO xong trước 31/7/2017 để triển khai kịp tiến độ sản xuất và nghiên cứu); Lập hồ sơ, thủ tục chuẩn bị đầu tư mua sắm thiết bị, công nghệ sơ chế, chế biến (1 dự án đối với sản phẩm ngô ngọt, 1 dự án đối với sản phẩm bí đỏ). Lập và trình phê duyệt các dự án nêu trên xong trước 30/10/2017; Làm các thủ tục ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với các đối tác trong và ngoài nước; Triển khai các bước chuẩn bị và tổ chức các đợt tham quan, học tập trong và ngoài nước,... thực hiện các nội dung quản lý, các đề tài NCKH theo Chương trình; đào tạo, tham quan trình diễn mô hình,... Xây dựng thương hiệu, mã số, mã vạch, tiêu chuẩn chất lượng, quảng bá sản phẩm, phát triển thị trường tiêu thụ,...

**9.2. Năm 2018:** Trồng bí đỏ - ngô ngọt - ớt (20 ha/loại sản phẩm); liên kết sản xuất mỗi loại sản phẩm 80 ha. Chuyển giao công nghệ trồng trọt theo quy trình VietGAP (đối với bí đỏ và ngô ngọt), chế biến, bảo quản (kể cả thuê chuyên gia); thực hiện các nội dung hỗ trợ sản xuất kèm theo; Đầu tư mua sắm thiết bị, chuyển giao công nghệ sơ chế, chế biến (đối với sản phẩm ngô ngọt và bí đỏ) đã hoàn thành các thủ tục chuẩn bị đầu tư trước 30-10/2017; Tổ chức tham quan, học tập trong và ngoài nước,... thực hiện các nội dung quản lý, các đề tài NCKH theo chương trình; đánh giá, nghiệm thu, sơ kết các đề tài theo tiến độ Chương trình; sơ kết đánh giá tình hình thực hiện chương trình; đào tạo, tham quan trình diễn mô hình,... Làm các thủ tục ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với các đối tác trong và ngoài nước; Triển khai thực hiện dự án Đầu tư trang thiết bị và ứng dụng CNTT vào hệ thống giám sát, truy xuất nguồn gốc; HTQLCL ISO (đã hoàn thành các thủ tục chuẩn bị đầu tư trước 30/10/2017); Triển khai hệ thống giám sát, truy xuất nguồn gốc; HTQLCL ISO,... Xây dựng thương hiệu, mã số, mã vạch, tiêu chuẩn chất lượng, quảng bá sản phẩm, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài nước,...

**9.3. Năm 2019:** Trồng bí đỏ - ngô ngọt - ớt (20 ha/loại sản phẩm); liên kết sản xuất mỗi loại sản phẩm 80 ha; thực hiện các nội dung hỗ trợ sản xuất kèm theo; Triển khai các nội dung quản lý và các đề tài NCKH theo chương trình; đánh giá, nghiệm thu, tổng kết các đề tài theo tiến độ Chương trình; sơ kết đánh giá tình hình thực hiện chương trình; Tiếp tục triển khai hệ thống giám sát, truy xuất nguồn gốc; HTQLCL ISO,... Hoàn thiện, phát triển thương hiệu, quảng bá sản phẩm, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài nước... Tiếp tục hoàn thiện, bổ sung ký kết các hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với các đối tác trong và ngoài nước; Chuẩn bị các đề án, xây dựng dự thảo, đăng ký chương trình (CT, ĐA, DA...) trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách.

**9.4. Năm 2020:** Trồng bí đỏ - ngô ngọt - ớt (20 ha/loại sản phẩm); liên kết sản xuất mỗi loại sản phẩm 80 ha; thực hiện các nội dung hỗ trợ sản xuất kèm theo; Tiếp tục triển khai các nội dung quản lý; nghiệm thu, đánh giá, tổng kết các đề tài NCKH theo chương trình; đánh giá, tổng kết theo các mục tiêu nhiệm vụ và tổng kết toàn bộ Chương trình; Tiếp tục hoàn thiện, phát triển thương hiệu, quảng bá sản phẩm, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài nước,... Lập phương án xử lý tài sản hình thành từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước trong phạm



vi Chương trình theo quy định hiện hành; Đề xuất trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách; Lập kế hoạch và triển khai nhân ra diện rộng trên địa bàn toàn tỉnh.

### **10. Khái toán kinh phí thực hiện Chương trình:**

**10.1. Tổng kinh phí thực hiện Chương trình: 83.816 triệu đồng.** Trong đó:

- Ngân sách Nhà nước: 55.506 triệu đồng;
- Kinh phí của doanh nghiệp, người dân (tổ chức, cá nhân tham gia chương trình): 28.310 triệu đồng. .

**10.2. Nguồn kinh phí NSNN:** Nguồn vốn sự nghiệp kinh tế trong dự toán ngân sách của tỉnh hàng năm.

### **10.3. Phân kỳ nguồn NSNN:**

- Năm 2017: 24.700 triệu đồng.
- Năm 2018: 21.861 triệu đồng.
- Năm 2019: 5.243 triệu đồng.
- Năm 2020: 3.702 triệu đồng

*(Chi tiết tại Hồ sơ Chương trình kèm theo Văn bản số 43/TTr-SKHCCN ngày 04/5/2017 của Sở Khoa học và Công nghệ).*

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

#### **1. Sở Khoa học và Công nghệ:**

- Tham mưu, đề xuất thành lập Ban Chủ nhiệm Chương trình do Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan thường trực; Ban Chủ nhiệm Chương trình có trách nhiệm ban hành quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ, xây dựng kế hoạch, lựa chọn các tổ chức, cá nhân tham gia mô hình; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc, thực hiện Chương trình.

- Tham mưu, đề xuất các dự án, nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình, báo cáo Hội đồng KH&CN tỉnh và các sở, ngành chức năng liên quan xem xét, tuyển chọn, thẩm định và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan lập dự toán kinh phí hàng năm; xây dựng dự án hoặc nội dung, dự toán kinh phí đối với các nhiệm vụ KH&CN cụ thể theo Chương trình, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Hướng dẫn UBND huyện, xã, đơn vị liên quan xây dựng dự án hoặc nội dung, dự toán kinh phí đối với các nhiệm vụ KH&CN cụ thể theo Chương trình, trình UBND tỉnh hoặc cấp có thẩm quyền phê duyệt để tổ chức thực hiện, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế, thuộc phạm vi nhiệm vụ KH&CN theo Chương trình này. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện Yên Lạc và các cơ quan liên quan trong quá trình nghiên cứu, tổng kết đánh giá, hoàn thiện mô hình thí điểm về liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị làm cơ sở khoa học và thực tiễn để triển khai ra diện rộng nhằm nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trong sản xuất nông nghiệp; Phối hợp với Sở Tài chính và các tổ chức, cá nhân liên quan đề xuất phương án quản lý, xử lý tài sản được hình thành thông qua việc thực hiện Chương trình theo quy định của Nhà nước.

**2. Sở Tài chính:** Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ cân đối kinh phí từ nguồn sự nghiệp kinh tế của tỉnh hàng năm; thẩm định dự toán, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định để thực hiện theo đúng mục



tiêu, tiến độ Chương trình; hướng dẫn, theo dõi, giám sát việc sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước; thẩm định phương án quản lý, xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện Chương trình theo quy định hiện hành của Nhà nước; Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan trong việc nghiên cứu, đề xuất cơ chế chính sách (về tài chính) khuyến khích phát triển sản xuất trên cơ sở tổng kết mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao thuộc nội dung Chương trình.

**3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:** Phối hợp với Sở Tài chính cân đối, đề xuất bố trí các nguồn vốn thuộc lĩnh vực Sở theo dõi, quản lý theo quy định để thực hiện Chương trình. Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn các đơn vị lập, thẩm định các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền; Phối hợp trong việc nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ, thu hút vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế để thực hiện các Chương trình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao vào các vùng sản xuất hàng hóa, các khu nông nghiệp công nghệ cao của tỉnh,... trên cơ sở tổng kết mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao thuộc nội dung Chương trình này.

**4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:** Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan chỉ đạo công tác nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới thuộc lĩnh vực ngành phụ trách để tạo sự đồng bộ trong nghiên cứu, tổng kết đánh giá, hoàn thiện các mô hình về liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, làm cơ sở khoa học và thực tiễn để triển khai ra diện rộng nhằm nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trong sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thúc đẩy phát triển nền nông nghiệp bền vững theo Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới; Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan trong việc nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ, thu hút vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế để thực hiện các Chương trình, dự án liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao vào các vùng sản xuất hàng hóa đối với các nông sản phẩm chủ lực theo Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh,...

#### **5. Các sở, ngành liên quan:**

- Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, UBND huyện, xã chỉ đạo quản lý, xây dựng kế hoạch sử dụng đất phù hợp yêu cầu theo Chương trình, đảm bảo sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, nước, bảo vệ môi trường bền vững; hướng dẫn thủ tục, hồ sơ và thực hiện việc giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân phát triển sản xuất, kinh doanh và tăng cường công tác quản lý nhà nước trong bảo vệ môi trường theo nội dung Chương trình này.

- Sở Công Thương: Phối hợp hướng dẫn, hỗ trợ và tạo điều kiện cho doanh nghiệp xây dựng và quảng bá thương hiệu sản phẩm đáp ứng yêu cầu về chất lượng, mẫu mã và quy cách sản phẩm. Triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại; khai thác, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm theo nội dung Chương trình.

- Các sở, ban, ngành liên quan, Liên minh các Hợp tác xã, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh: Phối hợp chặt chẽ với Sở Khoa học và Công nghệ, UBND huyện, xã trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Chương trình, đảm bảo

tiến độ, chất lượng, hiệu quả; cải cách thủ tục hành chính, hướng dẫn và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho tổ chức, cá nhân tham gia triển khai các nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình, đặc biệt là các thủ tục về đầu tư, xây dựng, bồi thường GPMB. Tham mưu với Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh về những vấn đề liên quan thuộc lĩnh vực, ngành mình quản lý và giải quyết các vướng mắc để thực hiện có hiệu quả Chương trình này.

**6. UBND cấp huyện, cấp xã thuộc phạm vi Chương trình:** Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn trực thuộc; UBND các xã có liên quan tuyên truyền vận động nhân dân đồng tình ủng hộ và tích cực tham gia vào quá trình triển khai Chương trình. Chỉ đạo cải cách thủ tục hành chính tạo điều kiện thuận lợi nhất cho tổ chức, cá nhân tham gia triển khai các nhiệm vụ KH&CN nêu trên, đặc biệt là các thủ tục về đầu tư, xây dựng, bồi thường GPMB,...

**7. Định kỳ 6 tháng và 01 năm hoặc đột xuất theo yêu cầu, Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị liên quan có trách nhiệm tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện; sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả với Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chủ động đề nghị qua Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét chỉ đạo, giải quyết.**

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

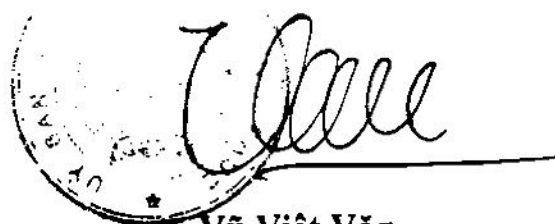
Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, Chủ tịch UBND các xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- TTTU, HDND tỉnh (BC);
- CPCT, CPVP;
- Như điều 3;
- CV: NCTH;
- Lưu: VT, VX3.

(ĐHV- 46 b).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vũ Việt Văn